

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số:171/2022/QĐST- HNGĐ

Yên thành, ngày 23 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2022.

Giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị T, sinh ngày 31/12/1996.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** Anh Trần Đình T, sinh ngày 08/03/1992.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+/ Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank)

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông Nghiệp phát triển Nông Thôn Việt Nam: Ông Nguyễn Văn Đ - Giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp phát triển Nông Thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ủy quyền lại cho: Ông Đặng Đình N - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông Thôn huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

+/ Quỹ tín dụng Nhân dân xã Hồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

* Người đại diện theo pháp luật Ông Trịnh Xuân Á - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các điều 55, 59, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Trần Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ / Về quan hệ con chung:

- Giao 02 con chung, cháu Trần Đình T (Giới tính: Nam), sinh ngày 04/08/2020 và cháu Trần Anh T (Giới tính: nữ), sinh ngày 16/09/2021 cho Chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Giao 02 con chung cháu Trần Phan Cẩm T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 18/12/2013 và cháu Trần Quang T (Giới tính: Nam), sinh ngày 11/08/2016 cho anh Trần Đình T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Phan Thị T, anh Trần Đình T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở ngăn cấm.

+ / Về tài sản chung:

* Chia thửa đất số 587, TĐĐ số 37 xã M; Địa chỉ: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng $551,8m^2$ trong đó $100m^2$ đất ở; Đất trồng cây lâu năm $451,8m^2$ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp CX206772 ngày 03/07/2020, mang tên Trần Đình T và Phan Thị T, thành hai thửa (thửa 587A và thửa 587B). Thửa 587A có diện tích sử dụng $274,2m^2$, trong đó có $50m^2$ đất ở, $224,2m^2$ đất trồng cây lâu năm; Thửa đất 587B có diện tích sử dụng $277,6m^2$. Trong đó có $50m^2$ đất ở, đất trồng cây lâu năm $227,6m^2$.

Chia cho Chị Phan Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 587B, tờ bản đồ số 37 xã M; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M, huyện Y có diện tích sử dụng $277,6m^2$ có tổng giá trị 15.466.000 đồng. Trong đó có $50m^2$ đất ở x $150.000đ/m^2 = 7.500.000$ đồng; $227,6m^2$ đất trồng cây lâu năm x $35.000đ/m^2 = 7.966.000đ$ cụ thể như sau:

Cạnh phía Đông giáp thửa đất 589 (đất bà Lương Thị T) dài 13,24m

Cạnh phía Tây giáp đất lưu không đường xóm dài 11,77m

Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 585(đất anh Tạ Văn T) dài 23,46m được chia thành 2 đoạn đoạn dài 14,48m, đoạn dài 8,98m.

Cạnh phía Nam giáp thửa đất 587A dài 23,65m.

Chia cho anh Trần Đình T được quyền sử dụng thửa đất số 587A, tờ bản đồ số 37 xã M; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M, huyện Y có diện tích sử dụng $274,2\text{m}^2$ có tổng giá trị 15.347.000 đ. Trong đó có 50m^2 đất ở $\times 150.000 \text{ đ/m}^2 = 7.500.000 \text{ đ}$; Đất trồng cây lâu năm $224,2 \text{ m}^2$ đất trồng cây lâu năm $\times 35.000 \text{ đ/m}^2 = 7.847.000$ đồng cụ thể giới cận như sau:

Cạnh phía Đông giáp thửa đất 589 (đất bà Lương Thị T) dài 11,36m

Cạnh phía Tây giáp đất lưu không, đường xóm dài 11.77m

Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 587B dài 23,65m

Cạnh phía Nam giáp thửa đất 588A và 588B dài 24,19m.

* Chia thửa đất số 588, TĐĐ số 37 xã M; Đại chỉ: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng $683,9\text{m}^2$ trong đó 100m^2 đất ở, $583,9 \text{ m}^2$ đất trồng cây lâu năm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp CX206772 ngày 03/07/2020, mang tên Trần Đình T và Phan Thị T thành hai thửa (thửa 588A và thửa 588B). Thửa 588A có diện tích sử dụng $280,4\text{m}^2$, trong đó có 50m^2 đất ở, đất trồng cây lâu năm $330,4 \text{ m}^2$; Thửa đất 588B có diện tích sử dụng $280,8\text{m}^2$. Trong đó có 50m^2 đất ở, Đất trồng cây lâu năm $230,8 \text{ m}^2$.

* Chia cho Chị Phan Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 588A, tờ bản đồ số 37 xã M; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An có diện tích sử dụng là $280,4 \text{ m}^2$ có giá trị 15.564.000 đồng. Trong đó có 50m^2 đất ở $\times 150.000 \text{ đ/m}^2 = 7.500.000 \text{ đ}$; Đất trồng cây lâu năm $230,4 \text{ m}^2 \times 35.000 \text{ đ/m}^2 = 8.064.000 \text{ đ}$ cụ thể giới cận như sau:

- Cạnh phía Đông giáp thửa đất 588B dài 23,51m

- Cạnh phía Tây giáp đất lưu không đường xóm dài 26,57m

- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 587A dài 11,02 m.

- Cạnh phía Nam giáp đất lưu không dài $8,08 \text{ m} + 6,06\text{m} = 14,15\text{m}$.

* Chia cho anh Trần Đình T được quyền sử dụng thửa đất số 588B, Tờ bản đồ số 37 xã M; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; có diện tích sử dụng $280,8 \text{ m}^2$ có giá trị 15.578.000 đồng. Trong đó có 50m^2 đất ở $\times 150.000 \text{ đ/m}^2 = 7.500.000 \text{ đồng}$, Đất trồng cây lâu năm $230,8 \text{ m}^2 \times 35.000 \text{ đ} = 8.078.000 \text{ đ}$ cụ thể giới cận như sau:

-Cạnh phía Đông giáp thửa đất 589 (Đất bà Lương Thị T) dài 18,33m

- Cạnh phía Tây giáp thửa đất 588A dài 23,51m
- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 587A dài 13,17 m.
- Cạnh phía Nam giáp đất lưu không dài 14,90m.

Thỏa thuận chia quyền sử dụng đất giữa Chị Phan Thị T, Anh Trần Đình T thể hiện sơ đồ dưới đây:

* Tài sản trên đất và tài sản khác: Giao cho Anh Trần Đình T được quyền sở hữu 01 ngôi nhà bằng và công trình vệ sinh được xây dựng trên thửa đất số 588B và thửa đất số 587A tờ bản đồ số 37; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An và số tiền 200.000.000 đồng anh T đang quản lý.

Nghĩa vụ trích chia tài sản: Anh Trần Đình T phải có nghĩa vụ trích chia cho chị Phan Thị T số tiền 100.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Chị T đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) do anh Trần Đình T giao lại.

***Về khoản nợ chung:** Chị Phan Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Yên Thành số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi suất đến ngày 23/6/2022 số tiền là 3.710.000 đồng. Kể từ ngày 24/6/2022 Chị Phan Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 3606LAV202103841 ngày 26/3/2021.

Trường hợp chị Phan Thị T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện Yên Thành) được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại quyền sử dụng đất là thửa đất 587B, tờ bản đồ số 37; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M; Diện tích là 277,6 m² , trong đó 50m² đất ở và 227,6 m² đất trồng cây lâu năm (đã được phân chia nêu trên) để thu hồi nợ.

-Anh Trần Đình T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện Yên Thành) số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi suất đến ngày 23/6/2022 là 3.710.000 đồng. Kể từ ngày 24/6/2022 Anh Trần Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 3606LAV202103841 ngày 26/3/2021.

Trường hợp anh Trần Đình T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam Chính nhánh huyện Yên Thành) đúng hạn thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại tài sản là quyền sử dụng đất số thửa

đất 587B, tờ bản đồ số 37 ; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M; Diện tích là 277,6 m² , trong đó 50m² đất ở, 227,6 m² đất trồng cây lâu năm (đã được phân chia) và tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ.

- Chị Phan Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Hồng Thành, huyện Yên Thành số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi suất đến ngày 23/6/2022 là 4.584.000 đồng. Kể từ ngày 24/6/2022 Chị Phan Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi suất mà các bên thỏa thuận được ghi trong hợp đồng tín dụng số: 210888 ngày 03/12/2021.

Trường hợp Chị Phan Thị T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi cho Quỹ TDND xã H, huyện Y thì Quỹ TDND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại quyền sử dụng đất là thửa đất 588A, tờ bản đồ số 37 ; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M; Diện tích là 280,4 m² , trong đó 50m² đất ở, 230,4 m² đất trồng cây lâu năm (đã được phân chia nêu trên) để thu hồi nợ.

- Anh Trần Đình T có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Hh, huyện Y số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 23/6/2022 là 4.584.000 đồng. Kể từ ngày 24/6/2022 anh Trần Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 210888 ngày 03/12/2021.

Trường hợp Anh Trần Đình T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi cho Quỹ TDND xã H, huyện Y thì Quỹ TDND xã H được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại quyền sử dụng đất là thửa đất 588B, tờ bản đồ số 77; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã M. Diện tích là 280,8 m², trong đó 50m² đất ở, 230,8 m² đất trồng cây lâu năm (đã được phân chia nêu trên) để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản, nếu tài sản phát mại không đủ trả nợ thì chị Phan Thị T và anh Trần Đình T phải tiếp tục trả nợ còn lại cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện Yên Thành) và Quỹ TDND xã H , huyện Y cho đến lúc thanh toán xong khoản nợ.

Chị Phan Thị T, Anh Trần Đình T được quyền đến Cơ quan hành chính có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác liền với đất theo qui định của Luật đất đai sau khi hoàn thành phần nghĩa vụ thanh toán nợ của mình tại Ngân hàng Nông nghiệp phát

triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và Quỹ tích dụng nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

*Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn, án chia tài sản, án phí trả nợ cho Chị Phan Thị T, anh Trần Đình T vì thuộc hộ cận nghèo năm 2022.

Trả lại cho chị Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí 13.390.000 đ (Mười ba, ba trăm chín mươi nghìn đồng) chị đã nộp tại theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0011177 ngày 22/3/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS Yên Thành
- UBND xã M(nơi ĐKKH)

(Đã ký)

V ũ Anh Ngọc